

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ Y TẾ

Số: 4071/TB-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) chuẩn bị cho công tác đấu thầu tập trung cấp địa phương giai đoạn 2023-2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh thuốc.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế Ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ kế hoạch số 4005/KH-BMTSYT ngày 15/11/2023 tổ chức đấu thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc);

Căn cứ nhu cầu sử dụng thuốc của các cơ sở điều trị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Sở Y tế Tây Ninh đang xây dựng kế hoạch danh mục thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) chuẩn bị cho công tác đấu thầu tập trung cấp địa phương giai đoạn 2023-2025.

Để có thông tin tham khảo xây dựng kế hoạch bảo đảm nguyên tắc phù hợp với quy định của Thông tư 15/2019/TT-BYT và Thông tư 06/2023/TT-BYT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 15/2019/TT-BYT về việc xây dựng giá kế hoạch. Sở Y tế Tây Ninh kính mời quý công ty sản xuất/nhập khẩu/kinh doanh thuốc quan tâm và có khả năng cung ứng các thuốc theo Phụ lục I đính kèm tham gia báo giá sản phẩm về Sở Y tế như sau:

1. Hình thức phát hành thông báo mời báo giá: Đăng trên Công thông tin hành chính công Tỉnh Tây Ninh, Trang thông tin điện tử Sở Y tế Tây Ninh, đài truyền hình Tây Ninh.

2. Đường link truy cập tải danh mục thuốc mời báo giá (Phụ lục I đính kèm) và biểu mẫu thực hiện báo giá (Phụ lục 2 đính kèm):

<https://soyte.tayninh.gov.vn/vi/news/dau-thau-thuoc-nganh-y-te/>

3. Thời gian nhận hồ sơ báo giá: trước 17 giờ 00 phút ngày 30/11/2023.

4. Yêu cầu hồ sơ báo giá gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá theo mẫu báo giá (Phụ lục 2 đính kèm).
- Hiệu lực báo giá: ≥ 90 ngày.

5. Địa điểm tiếp nhận thông tin và hồ sơ báo giá:

+ Bản giấy Báo giá gửi về Văn phòng Sở Y tế Tây Ninh, địa chỉ số 22, đường Lê Lợi, Khu phố 3, Phường 3, Tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Điện thoại: 0276 3822 100

+ Bản mềm báo giá gồm File (excel) và file Scan (PDF) gửi về địa chỉ email: bmtsytn@gmail.com.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo SYT (báo cáo);
- Báo Tây Ninh;
- Đài truyền hình Tây Ninh;
- TTCBTH-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP, NV, BMT.



GIÁM ĐỐC

Trương Văn Hùng

**DANH MỤC THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC,
THUỐC CÓ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CÓ TRUYỀN) MỜI BÁO GIÁ**

(Kèm thông báo số 403/TB-SYT, ngày 20/11/2023 của Sở Y tế Tây Ninh)

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	DY-1-1-VN-N3	Gừng.	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3	113.000
2	DY-1-1-BCH-N3	Gừng.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	255.000
3	DY-2-2-VN-N3	Hoắc hương/ Quáng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô điệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	45.000
4	DY-4-3-VN-N3	Sài hồ, Tiên hồ, Xuyên khung, Chi xác, Khương hoạt, Độc hoạt, Phục linh/Bạch linh, Cát cánh, Nhân sâm/Đảng sâm, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	84.000
5	DY-5-4-VN-N3	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liên, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đẳng, Bạc hà.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	241.600
6	DY-5-4-DD-N3	Thanh cao/Thanh hao, Kim ngân hoa, Địa liên, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đẳng, Bạc hà.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	9.100
7	DY-7-5-VN-N3	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	10.000
8	DY-7-5-BCH-N3	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	130.000
9	DY-7-5-DD-N3	Xuyên khung, Bạch chỉ, Hương phụ, Quế, Gừng, Cam thảo bắc.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	2.600
10	DY-8-6-VN-N3	Xuyên khung, Khương hoạt, bạch chỉ, Hoàng cầm, Phòng phong, Sinh địa, Thương truật, Cam thảo, Tế tân.	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3	180.000
11	DY-15-7-VN-N3	Actiso.	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3	901.200
12	DY-15-7-DD-N1	Actiso.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 1	8.100
13	DY-9-8-VN-N3	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	222.000
14	DY-9-8-VHC-N3	Actiso, Biển súc/Rau đắng đất, Bìm bìm/Bìm bìm biếc, (Diệp hạ châu), (Nghệ).	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	124.000
15	DY-10-9-VN-N3	Actiso, Cao mật lợn khô, Tỏi, Than hoạt tính.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	544.000
16	DY-11-10-VN-N1	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	550.000
17	DY-11-10-VN-N3	Actiso, Rau đắng/Rau đắng đất, Bìm bìm/Dứa gai.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	163.000
18	DY-12-11-VN-N3	Actiso, Rau má.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	816.000
19	DY-13-12-V-N3	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	23.000
20	DY-13-12-VN-N3	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	15.000
21	DY-18-14-V-N3	Bạch thực, Bạch truật, Cam thảo, Diệp hạ châu, Đương quy, Đảng sâm, Nhân trần, Phục linh, Trần bì.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	160.000
22	DY-21-15-BCH-N3	Bồ bồ.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	40.000
23	DY-25-17-VN-N3	Cam thảo, Bạch mao căn, Bạch thực, Đan sâm, Bán lam căn, Hoắc hương, Sài hồ, Liên kiều, Thần khúc, Chi thực, Mạch nha, Nghệ.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	20.000
24	DY-361-18-VN-N3	Cao khô lá dâu tằm.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	117.000
25	DY-30-20-VN-N3	Diếp cá, Rau má.	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3	610.000
26	DY-40-21-V-N2	Diệp hạ châu.	Uống	viên	Viên	Nhóm 2	303.000
27	DY-40-21-VN-N3	Diệp hạ châu.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	230.000
28	DY-40-21-BCH-N1	Diệp hạ châu.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 1	60.000
29	DY-40-21-BCH-N3	Diệp hạ châu.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	350.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
30	DY-40-21-VHC-N3	Diệp hạ châu.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	295.000
31	DY-32-22-V-N3	Diệp hạ châu, Bồ bồ, (Chi tử), (Rau má)	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	250.000
32	DY-33-23-VN-N3	Diệp hạ châu, Bồ công anh, Nhân trần.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	10.000
33	DY-34-24-V-N3	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nôi.	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	30.000
34	DY-34-24-DD-N3	Diệp hạ châu, Chua ngút, Cỏ nhọ nôi.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 3	215.000
35	DY-35-25-VN-N3	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	720.000
36	DY-38-26-V-N2	Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nôi/Cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	137.000
37	DY-38-26-V-N3	Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nôi/Cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	4.280.322
38	DY-38-26-VN-N3	Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nôi/Cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	543.000
39	DY-38-26-DD-N3	Diệp hạ châu, Nhân trần, Nhọ nôi/Cỏ nhọ nôi, (Râu ngô/Râu bắp), (Kim ngân hoa), (Nghệ).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ông	Nhóm 3	10.000
40	DY-39-27-VN-N3	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	570.000
41	DY-41-28-VN-N3	Diệp hạ châu/Diệp hạ châu đắng, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, cỏ mực	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.119.000
42	DY-46-29-BCH-N3	Hoạt thạch, Cam thảo.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	1.000
43	DY-55-30-VN-N3	Kim ngân, Hoàng cầm, Liên kiều, (Thăng ma).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	20.000
44	DY-49-31-VN-N4	Kim ngân hoa, Ké đầu ngựa.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 4	20.000
45	DY-50-32-VN-N3	Kim ngân hoa, Liên kiều, Cát cánh, Bạc hà, Đạm trúc điệp, Cam thảo, Kinh giới tuệ/Kinh giới, Ngưu bàng tử, (Đạm đậu sị).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	596.000
46	DY-51-33-VN-N3	Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp hạ châu, Bồ công anh, Mấu đơn bì, Đại hoàng.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	280.000
47	DY-52-34-VN-N3	Kim ngân hoa, Nhân trần/Nhân trần tía, Thương nhĩ tử, Nghệ, Sinh địa, Bồ công anh, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	755.000
48	DY-59-35-V-N3	Kim tiền thảo.	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	300.000
49	DY-59-35-VN-N1	Kim tiền thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	290.000
50	DY-59-35-VN-N3	Kim tiền thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	448.000
51	DY-59-35-VHC-N3	Kim tiền thảo.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	605.000
52	DY-59-35-BCH-N3	Kim tiền thảo.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	666.000
53	DY-57-36-V-N3	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng, (Nghệ).	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	410.000
54	DY-56-37-VN-N3	Kim tiền thảo, (Râu mèo), (Râu ngô).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	865.000
55	DY-56-37-BCH-N3	Kim tiền thảo, (Râu mèo), (Râu ngô).	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	50.000
56	DY-58-38-VN-N3	Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thục địa).	Uống	viên nang	viên	Nhóm 3	200.000
57	DY-63-40-DD-N3	Long đóm, Sài hồ, Nhân trần, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Sinh địa, Trạch tả, Chi tử, Đương quy, Xa tiền tử, Cam thảo.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	2.500
58	DY-61-41-VN-N3	Long đóm thảo, Chi tử, Đương quy, Sài hồ, Hoàng cầm, Trạch tả, Xa tiền tử, Sinh địa/Địa hoàng, Cam thảo, (Mộc thông).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	100.000
59	DY-67-43-VN-N3	Ngưu hoàng/Ngưu hoàng nhân tạo, Thạch cao, Đại hoàng, Hoàng cầm, Cát cánh, Cam thảo, Bã phiến.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	153.000
60	DY-69-44-VN-N3	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	55.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
61	DY-70-45-VN-N3	Nhân trần/Nhân trần bắc, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương quy, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc thông).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	260.000
62	DY-366-46-VN-N3	Pygeum africanum.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	172.000
63	DY-71-47-VN-N3	Râu mèo, Actiso.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	70.000
64	DY-71-47-BCH-N3	Râu mèo, Actiso.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	500
65	DY-73-48-VHC-N3	Sài đất, Kim ngân hoa, thổ phục linh, Thương nhĩ tử, Bồ công anh, Sinh địa, Thảo quyết minh.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	10.000
66	DY-74-49-VN-N3	Sài đất, Thương nhĩ tử, Kinh giới, Thổ phục linh, Phòng phong, Đại hoàng, Kim ngân hoa, Liên kiều, Hoàng liên, Bạch chỉ, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	853.000
67	DY-77-50-VN-N3	Sài hồ, Bạch trạch, Gừng tươi, Bạch linh, Đương quy, Bạch thược, Cam thảo, Bạc hà.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	410.000
68	DY-79-52-VHC-T-N3	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	325.000
69	DY-79-52-VHC-V-N3	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương.	Uống	viên hoàn cứng	viên	Nhóm 3	150.000
70	DY-79-52-VN-N3	Cam thảo, Đương quy, Hoàng kỳ, Khương hoạt, Khương hoàng, Phòng phong, Xích thược, Can khương.	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 3	14.000
71	DY-81-54-VHC-T-N3	Cao xương hổn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	1.200.000
72	DY-81-54-VHC-V-N3	Cao xương hổn hợp/Cao quy bản, Hoàng bá, Tri mẫu, Trần bì, Bạch thược, Can khương, Thục địa.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	660.000
73	DY-86-55-VN-N3	Đỗ trọng, Ngũ gia bì chân chim/Ngũ gia bì, Thiên niên kiện, Tục đoạn, Đại hoàng, Xuyên khung, Tần giao, Sinh địa, Uy linh tiên, Đương quy, Quế/Quế chi, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	680.000
74	DY-87-56-VN-N3	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	255.000
75	DY-87-56-V-N3	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	55.000
76	DY-87-56-VHC-N4	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 4	50.000
77	DY-88-57-VN-N3	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.680.000
78	DY-88-57-V-N3	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	110.000
79	DY-91-58-VHC-T-N3	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Đại hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Dây đau xương), (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	425.500

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
80	DY-91-58-VHC-V-N3	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Dây đau xương), (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	220.000
81	DY-91-58-VN-N3	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Dây đau xương), (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	Viên nang	viên	Nhóm 3	2.200.000
82	DY-91-58-Ch-N3	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Dây đau xương), (Đảng sâm/Nhân sâm)	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	500
83	DY-93-59-VN-N3	Độc hoạt, Tang ký sinh, Tri mẫu, Trần bì, Hoàng bá, Phòng phong, Cao xương, Qui bản, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Ngưu tất, Phục linh, Quế chi, Sinh địa, Tần giao, Tế tân, Xuyên khung.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	100.000
84	DY-95-60-V-N3	Đương quy, Đỗ trọng, Câu tích, Đan sâm, Liên nhục, Tục đoạn, Thiên ma, Cốt toái bổ, Độc hoạt, Sinh địa, Uy linh tiên, Thông thảo, Khương hoạt, Hà thủ ô đỏ.	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	825.000
85	DY-97-61-VN-N3	Hà thủ ô đỏ, Thỏ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	220.000
86	DY-97-61-DD-N3	Hà thủ ô đỏ, Thỏ phục linh, Thương nhĩ tử, Hy Thiêm, Thiên niên kiện, Đương quy, Huyết giác, (Phòng kỷ).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	80.500
87	DY-99-62-VN-N3	Hy thiêm, Hà thủ ô đỏ chế, Thương nhĩ tử, Thỏ phục linh, Phòng kỷ/Dây đau xương, Thiên niên kiện, Huyết giác.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	2.600.000
88	DY-102-65-V-N3	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	710.000
89	DY-102-65-VN-N3	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	660.000
90	DY-102-65-VHC-N3	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	180.000
91	DY-102-65-DD-N3	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	74.000
92	DY-103-66-VHC-V-N3	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện.	Uống	viên hoàn cứng	viên	Nhóm 3	130.000
93	DY-103-66-VHC-T-N3	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	15.000
94	DY-104-67-VN-N3	Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thỏ phục linh.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	2.448.000
95	DY-109-68-VN-N3	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	80.000
96	DY-105-69-VHC-N3	Mã tiền chế, Độc hoạt, Xuyên khung, Tế tân, Phòng phong, Quế chi, Hy thiêm, Đỗ trọng, Đương quy, Tần giao, Ngưu tất.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	1.079.000
97	DY-106-70-VN-N2	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ phục linh.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 2	159.000
98	DY-106-70-VHC-N3	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Ngưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thỏ phục linh.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	584.000
99	DY-107-71-VN-N3	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì/Ngũ gia bì chân chim, (Tam Thất).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	798.000
100	DY-107-71-VHC-N3	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì/Ngũ gia bì chân chim, (Tam Thất).	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	926.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
101	DY-108-72-V-N3	Mã tiền chế, Thương truyệt, Hương phụ tử chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	300.000
102	DY-108-72-VN-N3	Mã tiền chế, Thương truyệt, Hương phụ tử chế, Mộc hương, Địa liên, Quế chi.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	480.000
103	DY-110-73-VHC-N3	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	47.500
104	DY-110-73-VN-N3	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	100.000
105	DY-112-74-VHC-N3	Tần giao, Thạch cao, Khương hoạt, Bạch chỉ, Xuyên khung, Tế tân, Độc hoạt, Phòng phong, Đương quy, Thục địa, Bạch thược/Bạch truyệt, Cam thảo, Phục linh, Hoàng cầm, Sinh địa.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	495.000
106	DY-113-75-VHC-N3	Thanh phong đẳng, Quế chi, Độc hoạt, Khương hoạt, Ngưu tất, Tang ký sinh, Phục linh, Tần giao, Lộc nhung, Uy linh tiên, Ý dĩ nhân, Đảng sâm, Hoàng kỳ, Câu kỷ tử, Bạch truyệt, Đương quy, Xích thược, Mộc hương, Diên hồ sách, Hoàng cầm.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	50.000
107	DY-114-76-VN-N3	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Ngưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền chế).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.461.000
108	DY-120-79-DD-N3	Bạch truyệt, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ.	Uống	dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	1.500
109	DY-122-80-VHC-N3	Bạch truyệt, Mộc hương, Hoàng Đảng, Hoài sơn/Sơn Dục, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	150.000
110	DY-123-81-VN-N3	Bạch truyệt, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dục, Nhục đậu khấu.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	124.000
111	DY-123-81-VHC-T-N3	Bạch truyệt, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dục, Nhục đậu khấu.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	310.000
112	DY-123-81-VHC-V-N3	Bạch truyệt, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thần khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dục, Nhục đậu khấu.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	52.000
113	DY-125-82-VN-N3	Bạch truyệt, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	382.000
114	DY-125-82-VHC-V-N3	Bạch truyệt, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	170.000
115	DY-125-82-VHC-T-N3	Bạch truyệt, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	96.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
116	DY-125-82-DD-N3	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	30.900
117	DY-125-82-VHM-N3	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	Uống	viên hoàn mềm	Viên	Nhóm 3	56.000
118	DY-128-84-V-N3	Bìm bìm biếc, Phan tả diệp, Đại hoàng, Chi xác, Cao mật heo.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	251.000
119	DY-133-86-VN-N3	Cát lăm sâm, Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Ý dĩ, Hoài sơn, Khiếm thực, Liên nhục, Mạch nha, Sứ quân tử, Sơn tra, Thần khúc, Cốc tinh thảo, Ô tặc cốt, Bạch biển đậu.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	161.000
120	DY-134-87-VN-N1	Chè dây.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	435.000
121	DY-134-87-VN-N3	Chè dây.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.171.000
122	DY-135-88-VN-N3	Chi thực, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch truật, Bạch linh/Phục linh, Bán hạ, Mạch nha, Hậu phác, Cam thảo, Can khương, Hoàng liên/Ngô thù du.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	670.000
123	DY-140-91-BCH-N3	Hoài sơn, Đậu ván trắng/Bạch biển đậu, Ý dĩ, Sa nhân, Mạch nha, Trần bì, Nhục đậu khấu, Đảng sâm, Liên nhục.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	108.000
124	DY-142-92-VN-N3	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	318.000
125	DY-142-92-VHC-N3	Hoàng liên, Vân Mộc hương, Đại hồi, Sa nhân, Quế nhục, Đinh hương.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/Gói	Nhóm 3	91.000
126	DY-145-93-VN-N3	Huyền hồ sách, Mai mục, Phèn chua.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	250.000
127	DY-146-94-VN-N3	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	230.000
128	DY-146-94-V-N3	Kha tử, Mộc hương, Hoàng liên, Bạch truật, Cam thảo, Bạch thược.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	120.000
129	DY-149-95-VN-N3	Lá khô, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khô sâm, Ô tặc cốt.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	751.000
130	DY-150-96-VN-N3	Ma tử nhân, Hạnh nhân, Đại hoàng, Chi thực, Hậu phác, Bạch thược.	Uống	viên nang	viên	Nhóm 3	50.000
131	DY-151-97-V-N3	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì).	Uống	viên	viên	Nhóm 3	401.000
132	DY-152-98-DD-N3	Men bia ép tinh chế.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 3	282.000
133	DY-154-100-V-N3	Mộc hương, Hoàng liên, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	120.000
134	DY-154-100-VN-N3	Mộc hương, Hoàng liên, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	40.000
135	DY-154-100-VN-N4	Mộc hương, Hoàng liên, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 4	440.000
136	DY-155-101-DD-N3	Nghệ vàng.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 3	378.000
137	DY-155-101-VN-N3	Nghệ vàng.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	81.000
138	DY-155-101-VHC-N3	Nghệ vàng.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	126.000
139	DY-156-103-BCH-N3	Ngưu nhĩ phong, La liễu.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	150.000
140	DY-156-103-BCH-N4	Ngưu nhĩ phong, La liễu.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 4	302.500
141	DY-160-105-VN-N3	Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa nhân, Mộc hương, (Gừng tươi/Sinh khương).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	331.000
142	DY-161-107-VN-N3	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	412.000
143	DY-161-107-DD-N3	Nhân sâm/Đảng sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh khương), (Đại táo).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 3	191.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
144	DY-159-108-BCH-N3	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	101.000
145	DY-164-110-BCH-N3	Phòng đăng sâm, Thương truật, Hoài sơn, Hậu phác, Mộc hương, Ô tặc cốt, Cam thảo.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	36.000
146	DY-166-111-VN-N3	Sinh địa, Hồ ma, Đào nhân, Tang diệp, Thảo quyết minh, Trần bì.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	10.000
147	DY-168-112-VN-N3	Sử quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	13.000
148	DY-168-112-DD-N3	Sử quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	17.770
149	DY-308-114-VN-N3	Tô mộc.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	50.000
150	DY-172-115-VN-N3	Tôi, Nghệ.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.034.000
151	DY-173-116-VN-N3	Trần bì, Đương quy, Mạch nha, Phục linh, Chi xác, Thanh bì, Bạch Truật, Hậu phác, Bạch đậu khấu, Can khương, Mộc hương.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	250.000
152	DY-362-117-VN-N1	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	380.000
153	DY-362-117-VN-N3	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	281.000
154	DY-180-118-V-N3	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thược, Nhục quế.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	1.322.849
155	DY-181-119-VHC-V-N3	Xích đồng nam, Ngây hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	81.000
156	DY-181-119-VHC-G-N3	Xích đồng nam, Ngây hương, Thục địa, Hoài sơn, Đan bì, Bạch linh, Trạch tả, Mật ong.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	50.000
157	DY-176-120-BCH-N3	Xuyên bối mẫu/Bối mẫu, Đại hoàng, Diên hồ sách, Bạch cập, Ô tặc cốt/Mai mực, Cam thảo.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	67.500
158	DY-177-121-VN-N3	Xuyên tâm liên.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	116.000
159	DY-177-121-VHG-N4	Xuyên tâm liên.	Uống	viên hoàn giọt	Túi/gói	Nhóm 4	42.100
160	DY-185-124-V-N3	Đan sâm, Tam thất.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	152.000
161	DY-185-124-VN-N1	Đan sâm, Tam thất.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	500.000
162	DY-187-125-V-N3	Đan sâm, Tam thất, Băng phiến.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	60.000
163	DY-187-125-VN-N3	Đan sâm, Tam thất, Băng phiến.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	184.000
164	DY-187-125-VN-N4	Đan sâm, Tam thất, Băng phiến.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 4	520.000
165	DY-187-125-VHG-N3	Đan sâm, Tam thất, Băng phiến.	Uống	viên hoàn giọt	Viên	Nhóm 3	25.000
166	DY-186-126-VN-N3	Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	401.000
167	DY-186-126-VHM-N3	Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen.	Uống	viên hoàn mềm	Viên	Nhóm 3	130.000
168	DY-187-127-V-N2	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	viên	Viên	Nhóm 2	1.490.000
169	DY-187-127-V-N3	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	152.000
170	DY-187-127-VHM-N2	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	viên hoàn mềm	Viên	Nhóm 2	500.000
171	DY-187-127-VN-N3	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	viên nang	viên	Nhóm 3	1.231.000
172	DY-187-127-BCH-N3	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	1.370.000
173	DY-187-127-DD-C-N3	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	90.000
174	DY-187-127-DD-O-N3	Đinh lăng, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ông	Nhóm 3	900.000
175	DY-197-128-VHC-N3	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Uống	viên hoàn cứng	viên	Nhóm 3	195.000
176	DY-197-128-DD-N3	Địa long, Hoàng kỳ, Đương quy, Xích thược, Xuyên khung, Đào nhân, Hồng hoa.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 3	388.000
177	DY-188-129-VN-N1	Đương quy, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	100.000
178	DY-188-129-VN-N3	Đương quy, Bạch quả/Ginkgo biloba.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	460.000
179	DY-195-130-BCH-N4	Đương quy, Xuyên khung, Bạch thược, Thục địa hoàng, Câu đằng, Kê huyết đằng, Hạ khô thảo, Quyết minh tử, Trần châu mẫu, Diên hồ sách, Tế tân.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 4	5.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
180	DY-189-131-V-N3	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	232.000
181	DY-213-133-VN-N3	Hồng hoa, Đương quy, Sinh địa, Sài hồ, Cam thảo, Xích thược, Xuyên khung, Chi xác, Ngưu tất, Bạch quả, (Đào nhân), (Cát cánh).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	522.000
182	DY-190-134-V-N3	Lá sen/Tâm sen, Lá vông, Bình vôi.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	386.000
183	DY-191-135-V-N2	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	862.200
184	DY-191-135-V-N3	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	466.000
185	DY-191-135-VN-N3	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	334.000
186	DY-201-136-VN-N3	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	390.000
187	DY-201-136-DD-N3	Lạc tiên, Vông nem, Lá dâu/Tang diệp.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	31.350
188	DY-203-138-VN-N3	Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	401.000
189	DY-193-139-VHC-V-N3	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	11.000
190	DY-193-139-VHC-T-N3	Sinh địa/Địa hoàng, Nhân sâm/Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, (Bá tử nhân), (Chu sa), (Cam thảo).	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	111.000
191	DY-194-140-VN-N3	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.180.000
192	DY-209-142-V-N3	Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	569.000
193	DY-211-143-V-N3	Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngõ thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	260.000
194	DY-211-143-VHC-N4	Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngõ thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 4	494.000
195	DY-214-144-DD-N2	A giao, Bạc hà, Bách bộ, Bách hợp, Bối mẫu, Cam thảo, Đương quy, Sinh khương, Hạnh nhân, Cát cánh, Mã đầu linh, Ngũ vị tử, Thiên hoa phấn, Thiên môn, Tri mẫu, Từ tồ, Từ uyển, Ý dĩ.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 2	3.000
196	DY-221-145-DD-N3	Bách bộ.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	99.300
197	DY-215-146-V-N3	Bách bộ, Bối mẫu, Cam thảo, Huyền sâm, Kim ngân hoa, Liên kiều, Mạch môn, Sa sâm, Tang bạch bì.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	60.000
198	DY-216-147-DD-N3	Bách bộ, Cát cánh, Mạch môn, Trần bì, Cam thảo, Bối mẫu, Bạch quả, Hạnh nhân, Ma hoàng, (Tinh dầu bạc hà).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	2.500
199	DY-222-148-DD-N4	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bán hạ chế/Bán hạ, Bạch bộ, Cam thảo, (Mơ muối/Ô mai), (Bạc hà), (Tinh dầu bạc hà), (Bạch phàn), (Bàng sa), (Ngũ vị tử).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 4	530.000
200	DY-224-149-DD-N3	Cát cánh, Kinh giới, Từ uyển, Bách bộ, Hạnh nhân, Cam thảo, Trần bì, Mạch môn.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	32.300
201	DY-228-151-V-N3	Lá thường xuân.	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3	30.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
202	DY-228-151-DD-N3	Lá thường xuân.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	42.560
203	DY-229-152-DD-N3	Ma hoàng, Bán hạ, Ngũ vị tử, Tỳ bà diệp, Cam thảo, Tế tân, Can khương, Hạnh nhân, Bối mẫu, Trần bì.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	1.000
204	DY-233-155-DD-N3	Ma hoàng, Hạnh nhân/Khô hạnh nhân, Quế Chi/Thạch cao, Cam thảo.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	500
205	DY-236-156-DD-C-N3	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	22.600
206	DY-236-156-DD-T-N3	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 3	20.000
207	DY-236-156-VN-N3	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	198.000
208	DY-248-160-VHC-N3	Đảng sâm, Thục địa, Đương quy, Dâm dương hoắc, Ba kích, Câu tích, Đỗ trọng, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Bạch thược, Xuyên khung, Cam thảo.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	70.000
209	DY-249-161-VHC-T-N3	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	40.000
210	DY-249-161-VHC-V-N3	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	200.000
211	DY-249-161-VN-N3	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	372.500
212	DY-249-161-VHM-N3	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	viên hoàn mềm	viên	Nhóm 3	23.000
213	DY-249-161-DD-N3	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	800
214	DY-251-162-VN-N2	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế.	Uống	viên nang	viên	Nhóm 2	10.000
215	DY-251-162-VN-N3	Hải mã, Lộc nhung, Nhân sâm, Quế.	Uống	viên nang	viên	Nhóm 3	87.000
216	DY-254-163-VN-N3	Linh chi, Đương quy.	Uống	viên nang	viên	Nhóm 3	527.000
217	DY-255-164-V-N3	Lộc giác giao, Thục địa, Sơn thù, Hoài sơn, Đỗ trọng, Đương quy, Câu kỷ tử/Ký tử, Thỏ ty tử, Quế nhục, Phụ tử chế/Hắc phụ.	Uống	viên	viên	Nhóm 3	8.000
218	DY-258-165-VN-N3	Nhân sâm, Lộc nhung, Đương quy, Đỗ trọng, Thục địa, Phục linh, Ngưu tất, Xuyên khung, Hà thủ ô đỏ, Ba kích, Nhục thung dung, Sơn thù, Bạch truật, Kim anh, Nhục quế, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	267.000
219	DY-260-166-VN-N3	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao ban long).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	10.000
220	DY-262-167-VN-N3	Nhân sâm, Tam thất.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	10.000
221	DY-267-168-VN-N3	Thỏ ty tử, Phục bồn tử, Câu kỷ tử, Cừu thái tử, Thạch liên tử, Phá cố chi/Phá cố tử, Xà sàng tử, Kim anh tử, Ngũ vị tử, Thục địa, Dâm dương hoắc, Hải mã, Nhân sâm, Lộc nhung, Quế nhục.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	82.000
222	DY-270-169-VN-N3	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	550.000
223	DY-272-171-VN-N3	Thục địa, Phục linh, Hoài Sơn, Sơn thù, Trạch tả, Xa tiền tử, Ngưu tất, Mẫu đơn bì, Nhục quế, Phụ tử chế.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	445.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
224	DY-273-172-V-N3	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rút/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	140.000
225	DY-273-172-BCH-N3	Bán hạ nam, Bạch linh, Xa tiền tử, Ngũ gia bì chân chim, Sinh khương, Trần bì, Rút/Nam Mộc hương, Sơn tra, Hậu phác nam.	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống	Túi/gói	Nhóm 3	654.000
226	DY-360-173-VN-N1	Bột bèo hoa dâu.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 1	990.000
227	DY-360-173-VN-N3	Bột bèo hoa dâu.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	490.000
228	DY-275-175-VN-N3	Câu đằng, Thiên ma, Hoàng cầm, Đỗ trọng, Bạch phục linh, Thạch quyết minh, Ngưu tất, Ích mẫu, Tang ký sinh, Sơn chi, Dạ giao đằng, (Hòe hoa).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	835.000
229	DY-279-177-DD-N3	Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương quy, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	4.000
230	DY-281-178-VN-N3	Đương quy di thực.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	50.000
231	DY-284-179-VN-N3	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	280.000
232	DY-284-179-VHC-V-N3	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	446.400
233	DY-284-179-VHC-T-N3	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	290.000
234	DY-284-179-DD-N3	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược, Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo.	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 3	166.000
235	DY-285-180-VN-N3	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	20.000
236	DY-286-181-V-N2	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	viên	Viên	Nhóm 2	130.000
237	DY-286-181-V-N3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	60.000
238	DY-286-181-DD-C-N3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	124.200
239	DY-286-181-DD-O-N3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ông	Nhóm 3	10.000
240	DY-286-181-VN-N3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	155.000
241	DY-286-181-VHC-N3	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	50.000
242	DY-363-182-VN-N3	Hải sâm.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	830.000
243	DY-287-183-V-N3	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	630.000
244	DY-287-183-VN-N3	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	80.000
245	DY-288-184-V-N3	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỳ tử.	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	206.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
246	DY-293-186-VN-N3	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe, (Bạch truật).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	613.000
247	DY-296-188-VN-N3	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	361.500
248	DY-297-189-VN-N3	Quy bản/Cao xương, Thục địa, Hoàng bá, Tri mẫu.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	510.000
249	DY-298-190-V-N3	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử/Câu kỳ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao).	Uống	viên	Viên	Nhóm 3	238.000
250	DY-298-190-VN-N3	Sinh địa, Mạch môn, Thiên hoa phấn, Hoàng kỳ, Kỳ tử/Câu kỳ tử, Bạch linh/Phục linh, Ngũ vị tử, Mẫu đơn bì, Hoàng liên, Nhân sâm, (Thạch cao).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	246.000
251	DY-299-191-VN-N4	Tam thất.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 4	196.000
252	DY-299-191-VHC-N3	Tam thất.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	102.000
253	DY-300-192-VN-N3	Thỏ miết trùng, Hồng hoa, Tự nhiên đông, Long não, Hạt dưa chuột, Tục đoạn, Tam thất, Đương quy, Lạc tân phụ.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	52.000
254	DY-302-193-VN-N3	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	412.000
255	DY-302-193-VHC-N3	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Uống	viên hoàn cứng	viên	Nhóm 3	3.402.000
256	DY-302-193-VHM-N3	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Uống	viên hoàn mềm	viên	Nhóm 3	271.000
257	DY-302-193-DD-N3	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.	Uống	dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 3	236.000
258	DY-306-195-VHC-V-N3	Thục địa, Táo nhục, Củ sừng, Thạch hộc, Hoài sơn, Tỳ giải.	Uống	viên hoàn cứng	viên	Nhóm 3	153.000
259	DY-306-195-VHC-T-N3	Thục địa, Táo nhục, Củ sừng, Thạch hộc, Hoài sơn, Tỳ giải.	Uống	viên hoàn cứng	Túi/gói	Nhóm 3	110.000
260	DY-314-196-VN-N3	Đảng sâm, Bạch linh/Phục linh, Bạch truật, Cam thảo, Thục địa, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, ích mẫu	Uống	viên nang	viên	Nhóm 3	105.000
261	DY-316-197-VHC-N3	Hoài sơn, Thục địa, Trư ma căn, Ngải cứu, Tô ngạnh, Tục đoạn, Trần bì, Hương phụ, Sa nhân, Cao xương hỗn hợp.	Uống	viên hoàn cứng	Viên	Nhóm 3	40.000
262	DY-318-198-VN-N3	Ích mẫu, Bạch thược, Đại hoàng, Thục địa, Hương phụ, Đương quy, Bạch truật, Xuyên khung, Huyền hồ sách, Phục linh.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	70.000
263	DY-320-199-DD-N3	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).	Uống	dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/lọ	Nhóm 3	13.400
264	DY-320-199-VN-N3	Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).	Uống	viên nang.	Viên	Nhóm 3	41.800
265	DY-322-201-DD-N3	Thục địa, Đương quy, Bạch thược/Hà thủ ô, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu/Ngải diệp, Hương phụ/Hương phụ chế, (Nghệ), (Đảng sâm).	Uống	dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Túi/gói	Nhóm 3	118.300
266	DY-327-204-VN-N3	Bạch chỉ, Tân di hoa, Thương nhĩ tử, Tinh dầu Bạc hà.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	381.000
267	DY-329-205-VN-N3	Bạch tật lê, Bạch thược, Câu kỳ tử, Cúc hoa, Đan bì/Mẫu đơn bì, Đương quy, Hoài sơn, Phục linh/Bạch linh, Thục địa, Sơn thù/Sơn thù du, Thạch quyết minh/Thảo quyết minh, (Trạch tả).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	20.000
268	DY-336-208-VN-N3	Tân di/Tân di hoa, Cáo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	435.000
269	DY-334-209-VN-N3	Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	1.022.000

STT	Mã hàng hóa	Thành phần thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
270	DY-338-211-VN-N3	Thực địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Bạch phục linh/Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	131.000
271	DY-340-212-VN-N3	Thực địa, Hoài sơn, Trạch tả, Cúc hoa, Thảo quyết minh, Hạ khô thảo, Hà thủ ô đỏ, (Đương quy).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	145.000
272	DY-342-213-VN-N3	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, Kim ngân hoa.	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	680.000
273	DY-344-215-VN-N3	Tinh dầu trầm/Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, (Eucalyptol).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 3	150.000
274	DY-344-215-VN-N4	Tinh dầu trầm/Cineol, Tinh dầu gừng, Tinh dầu tần, Menthol, (Eucalyptol).	Uống	viên nang	Viên	Nhóm 4	140.000
275	DY-346-217-DNg-N3	Dầu gió các loại.	Dùng ngoài	dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 3	1.000
276	DY-347-218-DNg-N3	Dầu gừng.	Dùng ngoài	dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 3	6.700
277	DY-348-219-DNg-N3	Địa liên, Thương truật, Đại hồi, Quế chi, Thiên niên kiện, Huyết giác, Long não.	Dùng ngoài	dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 3	1.000
278	DY-353-221-DNg-N3	Lá xoài.	Dùng ngoài	dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 3	12.300
279	DY-358-228-DNg-N3	Tinh dầu trầm, (Mỡ trăn), (Nghệ).	Dùng ngoài	dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 3	1.100
280	DY-359-229-DNg-N3	Trầu không.	Dùng ngoài	dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 3	20.200
		Cộng 280 khoản					

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ
(Kèm Thông báo số /TB-SYT ngày /11/2023 của Sở Y tế Tây Ninh)

TÊN CÔNG TY

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Tây Ninh

- Tên Công ty:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại/Fax:
- Số đăng ký kinh doanh: Nơi cấp:

Căn cứ Thông báo mời báo giá số/TB-SYT ngày của Sở Y tế Tây Ninh và khả năng cung ứng của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Sở báo giá các mặt hàng như sau:

STT	STT danh mục	Mã thuốc	Thành phần thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm tiêu chí kỹ thuật (theo Thông tư 06/2023/T T-BYT)	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá khai KK- KKL	Đơn giá chào
1																
2																
....																
	Cộng ... khoản															

- Bảng báo giá có hiệu lực từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Ghi chú:

- Công ty báo giá các thuốc có thành phần; nồng độ, hàm lượng; dạng bào chế; đường dùng; nhóm kỹ thuật phù hợp danh mục.
- Chỉ báo giá những mặt hàng trong danh mục thuốc mời báo giá

....., ngày ... tháng 11 năm 2023
Đại diện công ty
(Ký tên, đóng dấu)

